

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia**  
**TCVN ISO 9001:2015**

**TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/ 3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với thủ tục hành chính và các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Văn phòng Ban, Trưởng các phòng, cá nhân có liên quan thuộc hệ thống quản lý chất lượng của Ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- BCĐ ISO 9001 tỉnh (Sở KH&CN);
- Lưu: VT, VP

**TRƯỞNG BAN**

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA BAN DÂN TỘC ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP**  
**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 832 /QĐ-BDT ngày 10/11/2021  
của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam)

| <b>STT</b> | <b>Tên quy trình áp dụng ISO 9001:2015</b>  | <b>Phòng liên quan</b>   |
|------------|---|--------------------------|
| 1          | Quy trình xây dựng các chương trình, chính sách đối với vùng DTTS và miền núi                   | Phòng Chính sách Dân tộc |
| 2          | Quy trình tổ chức, quản lý thực hiện các chương trình, chính sách đối với vùng DTTS và miền núi | Phòng Chính sách Dân tộc |
| 3          | Quy trình kiểm tra các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi          | Phòng Chính sách Dân tộc |
| 4          | Quy trình công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                             | Phòng Chính sách Dân tộc |
| 5          | Quy trình đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                 | Phòng Chính sách Dân tộc |
| 6          | Quy trình tiếp nhận và trả kết quả  | Văn phòng                |
| 7          | Quy trình quản lý văn đi, văn bản đến   | Văn phòng                |
| 8          | Quy trình quản lý con dấu và thiết bị khóa mật  | Văn phòng                |
| 9          | Quy trình Xây dựng chương trình công tác  | Văn phòng                |
| 10         | Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo  | Văn phòng                |
| 11         | Quy trình mua sắm, quản lý trang thiết bị, tài sản  | Văn phòng                |
| 12         | Quy trình Thanh toán và quản lý chứng từ kế toán  | Văn phòng                |
| 13         | Quy trình Xử lý các kiến nghị của các địa phương, cử tri và HĐND tại Ban Dân tộc                | Văn phòng                |
| 14         | Quy trình kê khai tài sản thu nhập  | Văn phòng                |
| 15         | Quy trình Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý  | Văn phòng                |

|    |  |           |
|----|--|-----------|
| 16 | Quy trình xét thi đua khen thưởng      | Văn phòng |
| 17 | Quy trình xét kỷ niệm chương           | Văn phòng |
| 18 | Quy trình đăng bài, tin trên Cổng TTĐT | Văn phòng |
| 19 | Quy trình xây dựng báo cáo             | Văn phòng |
| 20 | Quy trình tiếp công dân                | Thanh tra |
| 21 | Quy trình giải quyết đơn thư           | Thanh tra |
| 22 | Quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo | Thanh tra |
| 23 | Quy trình thanh tra                    | Thanh tra |

